

Số: 215/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 27 tháng 05 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Hữu H, sinh năm 1973;

Bị đơn: Bà Trần Anh T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ thường trú: 71/6B Đường A, Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 18 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 375, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Hữu H và bà Trần Anh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Hữu H và bà Trần Anh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2012, quyển số 01/2012, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường E, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/06/2012).

- Về quan hệ con chung: Các đương sự có 02 con chung, họ tên là Trần Việt B sinh ngày 21/9/2012 và Trần Bình K, sinh ngày 23/1/2016.

Sau khi ly hôn ông Trần Hữu H và bà Trần Anh T thỏa thuận giao con chung là trẻ Trần Việt B sinh ngày 21/9/2012 và Trần Bình K, sinh ngày 23/1/2016 cho bà Trần Anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Hữu H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 01/6/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Trần Hữu H được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Trần Hữu H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Trần Hữu H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032171 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông Trần Hữu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, X.Duyên).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong